

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG                      Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2022/DS-ST

Ngày 06/9/2022

### V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUÂN HẢI CHÂU - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thanh Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Phạm Xoa
- Ông Nguyễn Văn Sanh

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Ông Nguyễn Trần Minh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 64/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2022/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty tài chính TNHH N.

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà R, đường B, phường 13, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: ông Đinh Quốc T. Có mặt

Địa chỉ: đường A, phường X, quận C, thành phố Đà Nẵng.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị B. Vắng mặt

Địa chỉ: đường L, quận H, thành phố Đà Nẵng.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, theo lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn nội dung vụ án như sau:

Ngày 18/12/2018, bà Phạm Thị B có ký hợp đồng tín dụng số 20181218-0003223 với Công ty tài chính TNHH MTV N (Nay là Công ty tài chính TNHH N) để vay số tiền 26.375.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 3.92%/tháng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà B có trách nhiệm thanh toán số tiền 44.922.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 28 tháng;

Bắt đầu từ ngày 01/02/2019, 27 tháng đầu, mỗi tháng trả 1.568.000 đồng, tháng cuối cùng trả 2.586.000 đồng. Thực hiện hợp đồng, bà B đã nhận đủ số tiền 26.375.000 đồng và tính đến nay đã thanh toán cho Công ty tài chính TNHH N tổng số tiền 26.070.000 đồng (chi tiết các lần thanh toán như bảng kê lịch sử thanh toán nộp kèm theo đơn khởi kiện), bao gồm 13.018.439 đồng nợ gốc và 13.051.561 đồng nợ lãi.

Do thời hạn vay đã hết từ ngày 03/5/2021, nhưng bà B vẫn không thanh toán đủ số nợ trên, nên Công ty tài chính TNHH N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Phạm Thị B thanh lý hợp đồng trả một lần cho công ty toàn bộ số tiền nợ 18.852.000 đồng bao gồm nợ gốc: 13.356.561 đồng, nợ lãi: 5.495.439 đồng.

Tại phiên tòa, bà Phạm Thị B vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên hòa giải ngày 10/5/2022, bà Phạm Thị B trình bày thừa nhận về việc ký kết hợp đồng tín dụng với Công ty tài chính TNHH N để vay số tiền 26.375.000 đồng, lãi suất 3.92%/năm. Bà B xác nhận còn nợ Công ty tài chính TNHH N tuy nhiên do khó khăn về kinh tế nên bà xin được giảm lãi. Các bên không thương lượng được với nhau về việc giảm lãi và thời hạn trả nợ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt đến lần thứ hai, do đó HĐXX áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả số tiền 18.852.000 đồng bao gồm nợ gốc: 13.356.561 đồng, nợ lãi: 5.495.439 đồng thì thấy: ngày 18/12/2018, bà Phạm Thị B có ký hợp đồng tín dụng số 20181218-0003223 với Công ty tài chính TNHH MTV N (Nay là Công ty tài chính TNHH N) để vay số tiền 26.375.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 3.92%/tháng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Đây là hợp đồng vay tài sản và hợp đồng này thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và quy định của Luật Các tổ chức tín dụng nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên, buộc các bên tham gia giao dịch phải tuân thủ thực hiện.

Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà B có trách nhiệm thanh toán số tiền 44.922.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 28 tháng. Bắt đầu từ ngày 01/02/2019, 27 tháng đầu, mỗi tháng trả 1.568.000 đồng, tháng cuối

cùng trả 2.586.000 đồng. Thực hiện hợp đồng, bà B đã nhận đủ số tiền 26.375.000 đồng và tính đến nay đã thanh toán được 26.070.000 đồng, bao gồm 13.018.439 đồng nợ gốc và 13.051.561 đồng nợ lãi. Thời hạn vay đã hết nhưng bà B không thanh toán đủ số nợ, vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo thỏa thuận tại Điều 1.7 đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng đã ký.

Do đó HĐXX nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký, phù hợp quy định của các điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng nên cần chấp nhận, buộc bị đơn phải trả số tiền còn nợ là 18.852.000 đồng bao gồm nợ gốc: 13.356.561 đồng, nợ lãi: 5.495.439 đồng.

[4] Đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 942.600 đồng (Chín trăm bốn mươi hai ngàn sáu trăm đồng). Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;
- Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính TNHH N đối với bà Phạm Thị B. Xử: Buộc bà Phạm Thị B phải trả cho Công ty tài chính TNHH N số tiền 18.852.000 đồng bao gồm nợ gốc: 13.356.561 đồng, nợ lãi: 5.495.439 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

**2.** Án phí dân sự sơ thẩm: 942.600 đồng (Chín trăm bốn mươi hai ngàn sáu trăm đồng) bà Phạm Thị B phải chịu. Hoàn trả cho Công ty tài chính TNHH N số tiền tạm ứng án phí 546.300 đồng (Năm trăm bốn mươi sáu ngàn ba trăm đồng) theo biên lai thu số 0000807 ngày 08/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

**3.** Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

**4.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- *Đương sự;*
- *VKSND quận Hải Châu;*
- *Chi cục THADS quận Hải Châu*
- *Lưu hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thanh Thủy**